

Tuần 16

Ngày soạn : 02/12/20..

Tiết 31

Ngày giảng: 06/12/20..

ÔN TẬP CHƯƠNG II

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

Ôn tập các kiến thức đã học về tính chất đối xứng của đường tròn, liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây; vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, của hai đường tròn.

2. Kỹ năng:

Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài tập về tính toán và chứng minh.

Rèn luyện cách phân tích tìm lời giải của bài toán và trình bày lời giải.

3. Thái độ:

Rèn luyện ý thức làm việc tập thể, đoàn kết trong học tập, nhanh nhẹn trong tính toán, học tập nghiêm túc, tích cực.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

- GV: Giáo án, bảng phụ, thước thẳng, compa, êke, máy tính bỏ túi.

- HS: Chuẩn bị bảng nhóm, thước thẳng, compa, êke, máy tính bỏ túi.

III. Tiến trình dạy học:

Hoạt động 1 (1 phút) : Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số lớp

| Hoạt động của Giáo viên | Hoạt động của Học sinh | Nội dung |
|--|---|--------------------------------|
| <i>Hoạt động 2 (42 phút): Ôn tập lý thuyết và bài tập</i> | | |
| Gv treo bảng phụ các bài tập trắc nghiệm cho HS làm Bài tập 1: Nối mỗi ô ở cột trái với một ô ở cột phải để được khẳng định đúng : | Hs đứng tại chỗ làm các bài tập trắc nghiệm | Bài tập 1: Kết quả : |

| | | |
|--|--|--------------|
| | | |
| 1. Đường tròn ngoại tiếp một tam giác | 7. là giao điểm các đường phân giác trong tam giác | 1-8 |
| 2. đường tròn nội tiếp một tam giác | 8. là đường tròn đi qua 3 đỉnh của tam giác | 2-12 |
| 3. Tâm đối xứng của đường tròn | 9. là giao điểm các đường trung trực các cạnh của tam giác . | 3-10 4-11 |
| 4. Trục đối xứng của đường tròn | 10. chính là tâm của đường tròn | 5-7 |
| 5. Tâm của đường tròn nội tiếp tam giác | 11. là bất kì đường kính nào của đường tròn | 6-9 |
| 6. Tâm của đường tròn ngoại tiếp tam giác | 12. là đường tròn tiếp xúc với cả 3 cạnh của tam giác | |
| <p>Bài tập 2: Điền vào chỗ (..) để được các định lí :</p> <p>1. Trong các dây của 1 đường tròn, dây lớn nhất là</p> <p>2. Trong 1 đường tròn :</p> <p>A. Đường kính vuông góc với 1 dây thì đi qua</p> <p>B. Đường kính đi qua trung điểm của 1 dâythì</p> <p>C. Hai dây bằng nhau thì</p> <p>Hai dây... thì bằng nhau.</p> <p>D. Dây lớn hơn thìtâm hơn</p> <p>Dâytâm hơn thì hơn</p> | | |
| <p>HS trả lời</p> <p>Đường kính</p> <p>Trung điểm của dây ấy</p> <p>Không đi qua tâm / vuông góc với dây ấy</p> <p>Cách đều tâm</p> <p>Cách đều tâm</p> <p>Gần</p> <p>Gần / lớn</p> <p>- HS đứng tại chỗ nêu các vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn; các vị trí tương đối của 2 đường</p> | | |

Bài tập 3: Nêu các vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn; các vị trí tương đối của 2 đường tròn ?

tròn:

| Vị trí tương đối | Hệ thức |
|----------------------------------|---------------------|
| Đường thẳng cắt đường tròn | $d < R$ |
| Đường thẳng tiếp xúc đường tròn | $d = R$ |
| Đường thẳng không cắt đường tròn | $d > R$ |
| 2 đường tròn cắt nhau | $R - r < d < R + r$ |
| 2 đường tròn tiếp xúc ngoài | $d = R + r$ |
| 2 đường tròn tiếp xúc trong | $d = R - r$ |
| 2 đường tròn ở ngoài nhau | $d > R + r$ |

Hs đứng tại chỗ trả lời

Nêu dấu hiệu nhận biết và tính chất tiếp tuyến của đường tròn?

Tiếp điểm của 2 đường tròn tiếp xúc nhau, các giao điểm của 2 đường tròn cắt nhau có vị trí như thế nào đối với đường nối tâm ?

Hs phát biểu định lí về tính chất đường nối tâm .

Hoạt động 4 (2 phút): Hướng dẫn về nhà

Ôn tập lí thuyết chương II

Chứng minh định lí : Trong các dây của đường tròn, đường kính là dây cung lớn nhất

BTVN: 42,43/128 SGK ; 83,84,85,86 /141 SBT

Tiết sau ôn tập chương II tiếp theo

hoc360.net

Tuần 16

Ngày soạn : 02/12/20..

Tiết 32

Ngày giảng: 06/12/20..

ÔN TẬP CHƯƠNG II (tiếp theo)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

Ôn tập các kiến thức đã học về tính chất đối xứng của đường tròn, liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây; vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, của hai đường tròn.

2. Kỹ năng:

Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài tập về tính toán và chứng minh.

Rèn luyện cách phân tích tìm lời giải của bài toán và trình bày lời giải.

3. Thái độ:

Rèn luyện ý thức làm việc tập thể, đoàn kết trong học tập, nhanh nhẹn trong tính toán, học tập nghiêm túc, tích cực.

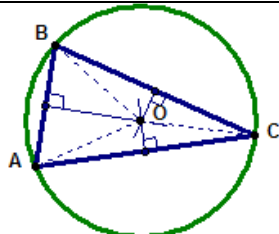
II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

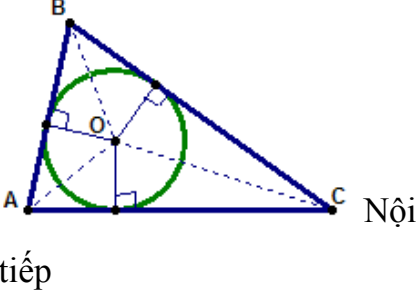
- GV: Giáo án, bảng phụ, thước thẳng, compa, êke, máy tính bỏ túi.

- HS: Chuẩn bị bảng nhóm, thước thẳng, compa, êke, máy tính bỏ túi.

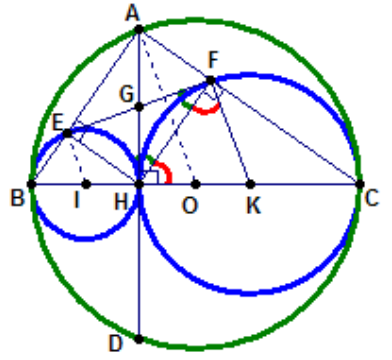
III. Tiến trình dạy học:

Hoạt động 1 (1 phút) : Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số lớp

| Hoạt động của Giáo viên | Hoạt động của Học sinh | Nội dung |
|--|---|---|
| <i>Hoạt động 2 (8 phút): Lý thuyết</i> | | |
| <p>❓ Thế nào là đường tròn ngoại tiếp tam giác? Nêu cách xác định tâm?</p> | <p>- Đường tròn đi qua ba đỉnh của tam giác là đường tròn ngoại tiếp tam giác. Có tâm là giao điểm ba đường trung trực.</p> | <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: right;">Ngoại tiếp</p> |
| <p>❓ Thế nào là đường tròn nội</p> | <p>- Đường tròn tiếp xúc với ba</p> | |

| | | |
|--|---|---|
| <p>tiếp tam giác? Nêu cách xác định tâm?</p> | <p>cạnh của tam giác là đường tròn nội tiếp tam giác. Có tâm là giao điểm ba đường phân giác.</p> |  |
|--|---|---|

Hoạt động 3 (34 phút): Luyện tập

| | | |
|--|--|--|
| <p>(Sửa bài tập 41 kết hợp ôn tập các câu hỏi lý thuyết có liên quan)</p> <p>- GV gọi một học sinh đọc đề bài. Treo bảng phụ có hình vẽ bài 41 yêu cầu học sinh khác nhìn hình vẽ đọc lại đề.</p> <p>❓ Nêu các vị trí tương đối của hai đường tròn? Viết hệ thức liên hệ tương ứng giữa đoạn nối tâm và bán kính?</p> <p>❓ Nêu cách chứng minh hai đường tròn tiếp xúc ngoài, tiếp xúc trong?</p> <p>❓ Tính số đo \widehat{BAC}?</p> <p>❓ Tứ giác AEHF là tứ giác</p> | <p>- Thực hiện theo yêu cầu GV</p> <p>+ Đọc đề</p> <p>+ Nhìn hình vẽ đọc đề</p> <p>- Cắt nhau: $R - r < d < R + r$</p> <p>- Tiếp xúc nhau:</p> <p>+ Tiếp xúc ngoài: $d = R + r$</p> <p>+ Tiếp xúc trong: $d = R - r > 0$</p> <p>- Không giao nhau:</p> <p>+ Ở ngoài nhau: $d > R + r$</p> <p>+ Đụng nhau: $d < R - r$</p> <p>+ Đồng tâm: $d = 0$</p> <p>Trả lời</p> <p>- Trả lời: \widehat{BAC} là góc nội tiếp chắn nửa đường tròn nên $\widehat{BAC} = 90^\circ$.</p> | <p><u>Bài 41 trang 128 SGK</u></p>  <p><u>a. Xác định vị trí tương đối</u></p> <p>- Vì $OI = OB - IB$ nên (I) tiếp xúc trong với đường tròn (O).</p> <p>- Vì $OK = OC - KC$ nên (K) tiếp xúc trong với đường tròn (O).</p> <p>- Vì $IK = IH + KH$ nên (I) tiếp xúc trong với đường tròn (K).</p> <p><u>b. Tứ giác AEHF là hình gì?</u></p> <p>- Ta có \widehat{BAC} là góc nội tiếp chắn nửa đường tròn nên $\widehat{BAC} = 90^\circ$.</p> |
|--|--|--|

| | | |
|--|--|---|
| <p>gi? (Dựa vào dấu hiệu nào?)</p> <p>- Yêu cầu học sinh lên bảng trình bày bài giải.</p> <p>❓ Tam giác AHB là tam giác gì? HE là đường gì của ΔAHB? Tìm hệ thức liên hệ giữa AE, AB, AH?</p> <p>❓ Tương tự, hãy tìm hệ thức liên hệ giữa AF, AC, AH?</p> <p>- GV gọi một học sinh lên bảng trình bày bài giải.</p> <p>❓ Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến đường tròn? Tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau? Thế nào là tiếp tuyến chung của hai đường tròn?</p> <p>❓ Gọi G là giao điểm của AH và EF. Hãy chứng minh $\widehat{GFH} + \widehat{HFK} = 90^\circ$, từ đó suy ra EF là tiếp tuyến (K)?</p> <p>❓ Tương tự, hãy chứng minh EF là tiếp tuyến của (I)?</p> <p>❓ So sánh EF với AD?</p> <p>❓ Muốn EF lớn nhất thì AD</p> | <p>- Trả lời: Tứ giác AEHF là tứ giác là hình chữ nhật. Vì nó là tứ giác có ba góc vuông (theo dấu hiệu nhận biết hơn)</p> <p>- Tam giác AHB vuông tại H. $HE \perp AB \Rightarrow HE$ là đường cao Ta có: $AE \cdot AB = AH^2$</p> <p>- Tam giác AHC vuông tại H. $HF \perp AC \Rightarrow HF$ là đường cao Ta có: $AF \cdot AC = AH^2$</p> <p>- Trả lời: + Tiếp tuyến: vuông góc với bán kính tại tiếp điểm + Tiếp tuyến chung: tiếp xúc với cả hai đường tròn. - Do $GH = GF$ nên ΔHGF cân tại G. Do đó, $\widehat{GFH} = \widehat{GHF}$.</p> <p>- Tam giác KHF cân tại K nên: $\widehat{HFK} = \widehat{FHK}$.</p> <p>- $\widehat{GFH} + \widehat{HFK} = 90^\circ$ hay EF là tiếp tuyến của đường tròn</p> | <p>Tứ giác AEHF có:</p> $\widehat{A} = \widehat{E} = \widehat{F} = 90^\circ$ <p>nên nó là hình chữ nhật.</p> <p><u>c. Chứng minh $AE \cdot AB = AF \cdot AC$</u></p> <p>- Tam giác AHB vuông tại H và $HE \perp AB \Rightarrow HE$ là đường cao. Suy ra: $AE \cdot AB = AH^2$ (1)</p> <p>- Tam giác AHC vuông tại H và $HF \perp AC \Rightarrow HF$ là đường cao. Suy ra: $AF \cdot AC = AH^2$ (2)</p> <p>Từ (1) và (2) suy ra: $AE \cdot AB = AF \cdot AC$</p> <p><u>d. EF là tiếp tuyến chung của hai đường tròn (I) và (K)</u></p> <p>- Gọi G là giao điểm của AH và EF.</p> <p>- Theo câu b) thì tứ giác AEHF là hình chữ nhật nên $GH = GF$. Do đó, $\widehat{GFH} = \widehat{GHF}$.</p> <p>- Tam giác KHF cân tại K nên: $\widehat{HFK} = \widehat{FHK}$.</p> <p>- Ta lại có: $\widehat{GHF} + \widehat{FHK} = 90^\circ$. Suy ra:</p> |
|--|--|---|

| | | |
|---|---|---|
| <p>như thế nào? Khi đó AD là gì của (O)? ? Vậy AD là đường kính thì H và O như thế nào?</p> | <p>(K). - Trình bày bảng - $EF = AH = \frac{1}{2}AD$ - AD là đường kính - H trùng với O.</p> | <p>$\widehat{GFH} + \widehat{HFK} = 90^\circ$ hay EF là tiếp tuyến của đường tròn (K). Tương tự, ta có EF là tiếp tuyến đường tròn (I). <u>e. Xác định H để EF lớn nhất</u> - Vì AEFH là hình chữ nhật nên: $EF = AH = \frac{1}{2}AD$. Để EF có độ dài lớn nhất thì AD là lớn nhất. - Dây AD lớn nhất khi AD là đường kính hay H trùng với O. Vậy khi H trùng với O thì EF có độ dài lớn nhất.</p> |
| Hoạt động 4 (2 phút): Hướng dẫn về nhà | | |
| <p>Bài tập về nhà 42, 43 trang 128 SGK Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập còn lại.</p> | | |